TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố B, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số: 486/2019/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 435/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 14/3/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Chị **Bùi Thị Ánh Ng**, sinh năm 1984.

Anh **Nguyễn Đình D**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số 79A/A2, ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh Ng và anh Nguyễn Đình D tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/7/2012 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay chị Ng và anh D xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 30/3/2015. Ly hôn, chị Ng và anh D thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 26/9/2012 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 30/3/2015 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Bùi Thị Ánh Ng và anh Nguyễn Đình D mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Ng, anh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004159 ngày 05/3/209 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh Ng, sinh năm: 1984 và anh Nguyễn Đình D, sinh năm: 1987 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Ng và anh D, giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 26/9/2012 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 30/3/2015 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ng, anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản chị Ng, anh D thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Bùi Thị Ánh Ng và anh Nguyễn Đình D mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Ng, anh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004159 ngày 05/3/209 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào